

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Căn cứ Quyết định số 4633/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 4633/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 1003-TB/TU ngày 02/8/2023 của Tỉnh ủy về việc Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 431-CV/BCSĐ ngày 04/8/2023 về việc triển khai Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2050/SXD.QHKT ngày 20/6/2023 về việc báo cáo thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Diễn Châu.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn quy hoạch thiết kế xây dựng Nghệ An và Viện Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng Hà Tĩnh.

4. Phạm vi ranh giới và niên độ lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Diễn Châu với 37 đơn vị hành chính (Thị trấn Diễn Châu và 36 xã: Diễn Hoa, Diễn Thành, Diễn Ngọc, Diễn Phúc, Diễn Bích, Diễn Kỳ, Diễn Vạn, Diễn Kim, Diễn Tân, Diễn Tháp, Diễn Nguyên, Diễn Thái, Diễn Đông, Diễn Xuân, Diễn Liên, Diễn Hồng, Diễn Phong, Diễn Mỹ, Diễn Hoàng, Diễn Hùng, Diễn Hải, Diễn Yên, Diễn Đoài, Diễn Lâm, Diễn Trường, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Cát, Diễn Thịnh, Diễn Lộc, Diễn Trung, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Thịnh, Minh Châu, Diễn Lợi). Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Quỳnh Lưu;
- Phía Nam giáp: Huyện Nghi Lộc;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây và Tây bắc giáp: Huyện Yên Thành.
- Tổng diện tích lập quy hoạch: 30.693,02ha (306,93km²)..

4.2. Niên độ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

5.1. Quan điểm:

- Quy hoạch vùng huyện Diễn Châu được định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung của vùng duyên hải tỉnh Nghệ An; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng với các vùng miền. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

5.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Diễn Châu lần thứ XXXI, nhiệm kỳ 2021-2025; Quy hoạch vùng duyên hải tỉnh Nghệ An; Quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An.

- Tạo cơ sở pháp lý và chuẩn bị cho việc: Hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Diên Châu đạt chuẩn nông thôn mới; Xây dựng kế hoạch phát triển và quy hoạch xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng; Xây dựng và công nhận đô thị Phủ Diên đạt tiêu chí đô thị loại IV, đô thị Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu đạt tiêu chí đô thị loại V trước năm 2025; Xây dựng huyện Diên Châu thành thị xã trong tương lai.

- Định hướng chiến lược nhằm phát huy, sử dụng hợp lý, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện Diên Châu để phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

6. Nội dung quy hoạch xây dựng:

6.1. Tính chất, chức năng:

- Là vùng kinh tế tổng hợp trọng điểm gắn với KKT Đông Nam, có vị trí quan trọng về kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng của vùng trung tâm phía Đông của tỉnh; đóng vai trò, chức năng quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội và hỗ trợ cung cấp các dịch vụ cho vùng liên huyện.

- Định hướng xây dựng trở thành đô thị cấp thị xã trước năm 2030, phát triển kinh tế chủ đạo về đô thị dịch vụ, công nghiệp, thương mại, du lịch biển - sinh thái nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên và các di tích văn hóa lịch sử.

- Phát triển hài hòa với kinh tế nông, lâm, ngư cùng với kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng.

6.2. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng.

6.2.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

Cơ cấu kinh tế huyện dự báo chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại. Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 10,5-11%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 19%; công nghiệp - xây dựng: 37%; thương mại - dịch vụ: 44%.

- Giai đoạn 2025-2030: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12-13%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 10%; công nghiệp - xây dựng: 42%; thương mại - dịch vụ: 48%.

- Giai đoạn 2030-2050: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 13% năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 5%; công nghiệp - xây dựng: 45%; thương mại - dịch vụ: 50%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt từ 85-90 triệu đồng; Đến năm 2030 đạt 140 triệu đồng/người/năm.

6.2.2. Dự báo phát triển dân số:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2022: 320.379 người, trong đó dân số đô thị khoảng 7.080 người, tỷ lệ đô thị hóa 2,20%.

- Dự báo đến năm 2025: Dân số toàn huyện khoảng 340.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 127.500 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 37%.

- Dự báo đến năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 360.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 236.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 65%.

- Dự báo đến năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 450.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 315.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 70%.

6.3. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.3.1. Phân vùng phát triển không gian:

Quy hoạch định hướng phân thành 02 vùng phát triển không gian, theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể như sau:

a) Phân vùng 1 (Vùng phía Bắc):

- Gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Diễn Châu và các xã: Diễn Hoa, Diễn Thành, Diễn Ngọc, Diễn Phúc, Diễn Bích, Diễn Kỳ, Diễn Vạn, Diễn Kim, Diễn Tân, Diễn Tháp, Diễn Nguyên, Diễn Thái, Diễn Đồng, Diễn Xuân, Diễn Liên, Diễn Hồng, Diễn Phong, Diễn Mỹ, Diễn Hoàng, Diễn Hùng, Diễn Hải, Diễn Yên, Diễn Đoài, Diễn Lâm, Diễn Trường, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Cát. Tổng diện tích 195,31 km², được chia thành 02 tiểu vùng:

+ Tiểu vùng 1: Nằm phía Tây đường cao tốc Bắc Nam, với trung tâm là phát triển đô thị Đồng Thái và khu sinh thái Diễn Lâm làm hạt nhân. Trọng tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái;

+ Tiểu vùng 2: Nằm phía Đông đường cao tốc Bắc Nam, với trung tâm lấy đô thị Phủ Diễn và đô thị Yên Lý gắn với khu công nghiệp Diễn Quỳnh làm hạt nhân. Trọng tâm phát triển đô thị dịch vụ, thương mại gắn với du lịch sinh thái biển.

- Định hướng phát triển chính: Là vùng kinh tế tổng hợp, hạt nhân phát triển thúc đẩy quá trình đô thị hóa hình thành thị xã Diễn Châu. Lấy đô thị trung tâm là Đô thị Phủ Diễn, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của vùng. Tập trung phát triển vùng theo hướng đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp, du lịch và kinh tế biển. Là vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn kết các vùng sản xuất huyện Yên Thành và Quỳnh Lưu, chế biến nông lâm sản, du lịch và công nghiệp. Tập trung phát triển vùng theo hướng Phát triển nông nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ và công nghiệp.

b) Phân vùng 2 (Vùng phía Nam): Gồm các xã: Diễn Thịnh, Diễn Lộc, Diễn Trung, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Phú (06 xã thuộc KKT Đông Nam cũ) và 02 xã: Minh Châu, Diễn Lợi (dự kiến thuộc KKT Đông Nam mở rộng). Tổng diện tích: 111,59 km². Định hướng phát triển chính: Gắn với định hướng phát triển của KKT Đông Nam Nghệ An thành một trong những khu vực động lực phát triển của tỉnh. Trọng tâm là phát triển công nghiệp đô thị, dịch vụ và du lịch như khu Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng và thể thao phía Nam đường N2 (thuộc xã Diễn Trung và xã Diễn An), khu Sân golf, du lịch Hồ Xuân Dương (xã Diễn Phú), Đền Cuông, sinh thái biển Diễn Thịnh, Diễn Trung; Khu Công nghiệp, đô thị, dịch vụ Thọ Lộc (Phía Bắc xã Diễn Trung và khu vực phía Đông xã Diễn Thịnh).

6.3.2. Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn:

a) Định hướng phát triển không gian đô thị:

Định hướng phát triển gồm 04 đô thị gồm: Đô thị Phủ Diễn (thị trấn Diễn Châu hiện hữu và vùng phụ cận); đô thị Yên Lý; đô thị Đồng Thái và đô thị Minh Châu.

- Giai đoạn đến năm 2025: Tổng dân số toàn huyện đến năm 2025 là 340.000 người, dân số đô thị khoảng 127.500 người. Định hướng cụ thể như sau:

+ Phát triển đô thị Phủ Diễn trở thành đô thị loại IV bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Diễn Châu, các xã Diễn Phúc, Diễn Tân, Diễn Thành, Diễn Ngọc, Diễn Kỳ, Diễn Bích, Diễn Hoa và 1 phần phía Nam thuộc xã Diễn Kim. Diện tích 38,00 km², dân số đến năm 2025 khoảng 84.000 người;

+ Xây dựng, nâng cấp đô thị Yên Lý trên cơ sở xã Diễn Yên với tính chất là đô thị dịch vụ công nghiệp hỗ trợ cho KCN Diễn Quỳnh. Diện tích 13,84 km², dân số đến năm 2025 khoảng 16.000 người, cấp độ thị loại V.

+ Xây dựng mới đô thị Đồng Thái trên cơ sở xã Diễn Đồng và xã Diễn Thái với tính chất là đô thị dịch vụ công nghiệp hỗ trợ cho cụm công nghiệp Đồng Thái. Diện tích 15,04 km², dân số đến năm 2025 khoảng 13.700 người, cấp độ đô thị loại V;

+ Xây dựng mới đô thị Minh Châu trên cơ sở xã Minh Châu với tính chất là đô thị dịch vụ công nghiệp gắn với khu vực phía Nam Quốc lộ 7. Diện tích 17,15 km², dân số đến năm 2025 khoảng 13.500 người, cấp độ thị loại V.

- Giai đoạn đến 2026 - 2030: Dân số toàn đô thị khoảng 360.000 người, dân số khu vực thành thị gồm cả quy đổi đạt khoảng 236.000 người. Định hướng cụ thể như sau:

+ Thành lập thị xã Diễn Châu, trên cơ sở lấy ranh giới phân nội thị (đơn vị cấp phường) bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Diễn Châu, các xã: Diễn Kim, Diễn Phong, Diễn Vạn, Diễn Hải, Diễn Mỹ, Diễn Hồng, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Tháp, Diễn Đồng, Diễn Thái, Diễn Hoa, Diễn Kỳ, Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Phúc, Diễn Tân, Diễn Thành, Diễn Lộc, Diễn Thịnh, Diễn Yên, Minh Châu, Diễn Cát với tổng diện tích 145,39 km². Phần ngoại thị (đơn vị cấp xã) bao gồm các xã: Diễn Lâm, Diễn Đoài, Diễn Phú, Diễn Lợi, Diễn Trung, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Nguyên, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Hùng, Diễn Hoàng, Diễn Trường với tổng diện tích 161,56 km².

- Giai đoạn 2031 - 2050: Từng bước hình thành thêm mới 02 đô thị tại xã Diễn Trung, Diễn An (gắn với việc phát triển các khu đô thị trong KKT Đông Nam); đô thị sinh thái Diễn Lâm. Dân số toàn thị xã Phủ Diễn khoảng 450.000 người, dân số khu vực thành thị gồm cả quy đổi đạt khoảng 315.000 người.

6.3.3. Định hướng phát triển nông thôn:

Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đồng thời, hoàn thành lập điều chỉnh quy

hoạch xây dựng chung xã, trên cơ sở đến năm 2030 phát triển thành thị xã Diễn Châu, khu vực phát triển nông thôn định hướng như sau:

a) Giai đoạn đến năm 2025: Khu vực nông thôn còn lại 25 xã: Diễn Lâm, Diễn Đoài, Diễn Trường, Diễn Hoàng, Diễn Hùng, Diễn Mỹ, Diễn Phong, Diễn Hải, Diễn Kim, Diễn Vạn, Diễn Hồng, Diễn Tháp, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Hạnh, Diễn Nguyên, Diễn Quảng, Diễn Cát, Diễn Lợi, Diễn Thọ, Diễn Lộc, Diễn Thịnh, Diễn Phú, Diễn An và Diễn Trung với tổng diện tích 231,03 km², dân số khoảng 212.500 người.

b) Giai đoạn 2026 - 2030: Khu vực nông thôn còn lại các xã: Diễn Lâm, Diễn Đoài, Diễn Phú, Diễn Lợi, Diễn Trung, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Nguyên, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Hùng, Diễn Hoàng, Diễn Trường với tổng diện tích 161,56 km², dân số khoảng 123.900 người.

c) Giai đoạn 2031 - 2050: Xây dựng và phát triển các khu dân cư theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 135.000 người.

6.3.4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Phát triển hệ thống khu công nghiệp; khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ: Tổng diện tích khoảng 2.940ha, gồm:

+ Khu công nghiệp Thọ Lộc: 920ha, bao gồm: Khu A diện tích 740ha thuộc các xã Diễn Thọ, Diễn Lộc và Diễn Phú; Khu B diện tích 180ha thuộc các xã Diễn Phú và Diễn Lộc;

+ Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thọ Lộc: Tổng diện tích khoảng 770ha thuộc các xã Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Trung và Diễn Thịnh;

+ Khu công nghiệp Thọ Lộc mở rộng: Phát triển về phía 02 xã Diễn Lợi và Minh Châu với diện tích 600ha (giáp Quốc lộ 7);

+ Khu công nghiệp Diễn Quỳnh: Cùng với huyện Quỳnh Lưu phát triển khu công nghiệp Diễn Quỳnh với quy mô 650ha (trong đó 350ha tại huyện Diễn Châu) theo định hướng Quy hoạch tỉnh Nghệ An.

- Phát triển 04 cụm công nghiệp với tổng diện tích 116,12ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Tháp - Hồng - Kỳ được giữ nguyên quy mô diện tích 26,12ha ưu tiên các dự án sản xuất hàng tiêu dùng, điện tử, may mặc, xây dựng, chế biến;

+ Cụm công nghiệp Diễn Hồng được giữ nguyên quy mô diện tích 10,0ha ưu tiên các dự án sản xuất tái chế, xây dựng;

+ Cụm công nghiệp Đồng Thái tại các xã Diễn Đồng và Diễn Thái, quy mô khoảng 40ha, ưu tiên các dự án giày da, may mặc, điện tử;

+ Cụm công nghiệp Diễn Thắng, quy mô 40ha, ưu tiên các ngành nghề sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, như may mặc, sản xuất linh kiện điện tử, linh kiện lắp ráp, phụ tùng ô tô; cơ khí nông nghiệp...

- Quy hoạch phát triển khu làng nghề theo hướng tập trung, gắn với du lịch và xử lý các vấn đề môi trường.

6.3.5. Phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt: Hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao theo chuỗi liên kết với các sản phẩm chủ lực của huyện. Phát triển lúa chất lượng cao tại các xã: Diễn Liên, Diễn Tân, Diễn Lộc, Diễn Thái...; Trước khi hình thành đô thị hóa, tận dụng đất đai để phát triển sản xuất hoa màu có doanh thu cao tại các xã: Diễn Thành, Diễn Kỳ, Diễn Phong, Diễn Thịnh, Diễn Lộc... với các công thức thâm canh như: Lạc xuân - Dưa hấu - Lạc đông; Lạc xuân - Vừng - Rau củ quả vụ Đông; Dưa lê - Dưa hấu - Rau vụ Đông; Lạc xuân - vừng Hè thu - Lạc Đông. Từng bước mở rộng, phát triển diện tích trồng cây ăn quả theo quy hoạch ngành nông nghiệp.

- Chăn nuôi: Trước khi hình thành đô thị hóa, tận dụng quỹ đất để phát triển các vùng chăn nuôi gia cầm tập trung hiệu quả tại các xã Diễn Trung, Diễn Thịnh...; phát triển trang trại, gia trại tổng hợp tại các xã Diễn Liên, Diễn Yên...; nhân rộng các mô hình, hợp tác xã chăn nuôi tại các xã: Diễn Trung, Diễn Hạnh, Diễn Hùng... Thu hút đầu tư 01 nhà máy giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi tập trung (ưu tiên quy hoạch tại các xã thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An). Phát triển một số loại vật nuôi khác truyền thống, đặc sản khác có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện sinh thái của huyện.

- Thủy sản: Phát triển vùng chuyên nuôi các loại thủy sản có giá trị cao ở các vùng có lợi thế để nuôi thâm canh tại các xã: Diễn Trung, Diễn Thịnh, Diễn Vạn, Diễn Kim, Diễn Yên, Diễn Tân, Diễn Hồng, Diễn Đoài, Diễn Yên...; đẩy mạnh phát triển hệ thống tàu cá khai thác vùng khơi, từng bước giảm dần tàu cá khai thác vùng ven bờ và vùng lộng. Tổ chức đánh bắt xa bờ, khai thác các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Lâm nghiệp: Quản lý bền vững diện tích rừng tự nhiên; khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ với trồng rừng và khai thác rừng bền vững để tăng thu nhập.

- Sản xuất muối: Trước khi phát triển các khu chức năng theo quy hoạch, tiếp tục sử dụng diện tích 120ha tại Diễn Kim, Diễn Vạn, Diễn Bích để sản xuất. Mục tiêu sản lượng 9.000 tấn/năm.

6.3.6. Phát triển thương mại dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 11 trung tâm thương mại tại 4 khu vực phát triển đô thị Phủ Diễn, Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu và khu tập trung dân cư đông; Chức năng là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và khu vực phía Tây của tỉnh.

- Phát triển hệ thống thương mại dịch vụ, hệ thống phân phối hàng hóa theo hành lang QL7 và QL1A; Đẩy mạnh thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại, logistic, kho bãi hai bên QL7 (Đặc biệt là gắn với nút giao tuyến cao tốc Bắc Nam). Giữ nguyên hệ thống 13 siêu thị hiện có, xây dựng mới 32 siêu thị.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ truyền thống thành trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống của vùng, đảm bảo quy hoạch, phát triển và đầu tư xây dựng, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 02/2003/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ, bao gồm 35 chợ; (*nâng cấp và xây dựng mới*) xây dựng mới 7 chợ tại các xã: Minh Châu, Diễn Quảng, Diễn Tân, Diễn Liên, Diễn Lợi, Diễn Hùng và Diễn Yên. Phát triển chợ Diễn Thành thành chợ đầu mối nông lâm, thủy sản tại xã Diễn Thành.

6.3.7. Phát triển du lịch:

Phát triển không gian du lịch theo định hướng Chiến lược phát triển du lịch Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035 tại Quyết định số 1439/QĐ-UBND vào ngày 23/5/2023, gồm 03 loại hình: Du lịch sinh thái biển, nghỉ dưỡng; Du lịch văn hóa - lịch sử; Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề. Được tổ chức gắn kết với nhau bằng các trục giao thông chính như: QL7, đường bộ ven biển, tỉnh lộ 537, đường huyện 254... Trọng tâm một số khu vực như sau:

- Du lịch sinh thái biển, nghỉ dưỡng: Tại các xã Diễn Trung, Diễn Thịnh, Diễn Thành, Diễn Kim, Diễn Hải và Diễn Hùng với các điểm nhấn là Khu đô thị, du lịch, thể thao sân Golf quy mô khoảng 700ha tại xã Diễn Trung; Khu du lịch, sân Golf Đồng Ghènh quy mô khoảng 150ha tại xã Diễn Kim; Khu du lịch Diễn Thành và Diễn Hải.

- Du lịch văn hóa - lịch sử: Điểm du lịch các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng Nhà lưu niệm Phùng Chí Kiên...; Điểm du lịch văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ: Đình Cháy tại xã Diễn Yên (đã được công nhận di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh); Điểm du lịch danh thắng, văn hóa tín ngưỡng, tâm linh: Quần thể văn hóa, di tích lịch sử Đền Công (gắn với Sự tích về An Dương Vương cũng như chuyện tình của công chúa My Châu với Trọng Thủy); Chùa Cổ Am; Lèn hai vai....

- Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề:

+ Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí thể dục thể thao chất lượng cao như: Khu du lịch sinh thái Diễn Lâm; Khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao sân Golf Hồ Xuân Dương (quy mô diện tích khoảng 350ha);

+ Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn liền với phát triển du lịch; kết hợp giữa du lịch văn hóa, lịch sử với du lịch sinh thái trải nghiệm.

6.4. Quy hoạch sử dụng đất toàn huyện:

Bảng tổng hợp định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện như sau:

TT	Thành phần đất	Hiện trạng 2021		Dự báo 2030			Dự báo 2050		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)
I	Đất phát triển đô thị	82,39	0,27	2.454,40	8,00	2.372,01	3.276,00	10,67	3.193,61
1	Đất dân dụng	60,33	0,20	1.888,00	6,15	1.827,67	2.520,00	8,21	2.459,67

2	Đất ngoài dân dụng	22,06	0,07	566,40	1,85	544,34	756,00	2,46	733,94
II	Đất phát triển nông thôn	2.162,26	7,04	1.240,00	4,04	-922,26	1.350,00	4,40	-812,26
III	Đất công nghiệp, cụm công nghiệp	40,09	0,13	906,91	2,95	866,82	2.270,00	7,40	2.229,91
IV	Đất nông nghiệp	22.770,08	74,19	19.051,98	62,07	-3.718,10	16.429,13	53,53	-6.340,95
1	Đất sản xuất nông nghiệp	15.022,59	48,94	12.111,66	39,46	-2.910,93	9.562,73	31,16	-5.459,86
2	Đất lâm nghiệp	6.514,66	21,23	5.756,82	18,76	-757,84	5.756,82	18,76	-757,84
3	Đất nuôi trồng thủy sản	926,72	3,02	880,58	2,87	-46,14	670,68	2,19	-256,04
4	Đất làm muối	189,67	0,62	180,27	0,59	-9,40	156,25	0,51	-33,42
5	Đất nông nghiệp khác	116,44	0,38	122,65	0,40	6,21	135,50	0,44	19,06
V	Đất an ninh quốc phòng	18,04	0,06	147,15	0,48	129,11	147,15	0,48	129,11
	Đất an ninh	5,27	0,02	18,30	0,06	13,03	18,30	0,06	13,03
	Đất quốc phòng	12,77	0,04	128,85	0,42	116,08	128,85	0,42	116,08
VI	Mặt nước	586,80	1,91	230,21	0,75	-356,59	185,50	0,60	-401,30
VII	Đất khác (đất nghĩa trang, tôn giáo, đất có mục đích công cộng, đất chưa sử dụng, khoáng sản, VLXD, đất chưa sử dụng...)	2.377,55	7,75	3.547,52	11,56	1.169,97	3.679,00	11,99	1.301,45
VIII	Đất giao thông	2.655,82	8,65	3.114,86	10,15	459,04	3.356,25	10,93	700,43
	Tổng	30.693,03	100,00	30.693,03	100,00		30.693,03	100,00	

6.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

6.5.1. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị Phủ Diễn, Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu theo định hướng có nhiều cấp học. Các giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn 2021-2030: Toàn huyện dự kiến có 136 cơ sở giáo dục (Gồm: 01 trung tâm đào tạo vùng; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 11 trường THPT; 34 trường THCS; 43 trường tiểu học và 46 trường mầm non).

- Giai đoạn 2030-2050: Toàn huyện dự kiến có 160 cơ sở giáo dục (Gồm: 01 trung tâm đào tạo vùng; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 15 trường THPT; 41 trường THCS; 50 trường tiểu học và 52 trường Mầm non; đồng thời, hình thành khu đào tạo tập trung với quy mô đào tạo khoảng

30.000 - 50.000 sinh viên (diện tích dự kiến khoảng 30ha), đào tạo nhân lực cho KKT Đông Nam Nghệ An và vùng liên huyện phía Tây của tỉnh).

6.5.2. Hệ thống công trình y tế:

Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống hạ tầng y tế từng bước đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện; phát triển hệ thống bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị (khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào hệ thống y tế nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh). Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2030: Phân đầu đạt 1.000 giường bệnh trên toàn huyện; Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu đạt quy mô 400 giường bệnh, hạng II, bệnh viện Phủ Diễn đạt 300 giường bệnh; quy hoạch thêm mỗi phân vùng từ 01 đến 02 bệnh viện để thu hút đầu tư bằng hình thức xã hội hóa.

- Giai đoạn 2030-2050: Phân đầu đạt 1.500 giường bệnh; xây dựng mới hoặc nâng cấp 01 bệnh viện đa khoa với quy mô 300 - 500 giường phục vụ cấp vùng liên huyện. Nâng cấp 02 đa khoa Diễn Châu và Phủ Diễn đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I - II.

6.5.3. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn. Cụ thể:

+ Tại đô thị Phủ Diễn: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, quy mô 10ha, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện, quảng trường... tại xã Diễn Hoa;

+ Tại đô thị Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu: Hình thành trung tâm văn hóa khu vực;

- Mục tiêu 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới; trong đó 50% đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại đô thị Phủ Diễn gồm Quảng trường, sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sỏi vật... tổng diện tích khoảng 45ha.

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực tại Đô thị Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu: sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô 4ha/trung tâm.

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông, 01 nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa, sân tập thể thao.

6.5.4. Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử:

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (hồ Xuân Dương, hồ Mả Tổ,...), sông Bùng, sông Lạch Vạn, kênh Nhà Lê...;

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đưa vào

danh mục kiểm kê, bảo tồn (14 di tích Quốc gia, 41 di tích cấp tỉnh).

6.5.5. Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

- Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê sông; hệ thống hồ đập, bờ biển; Hành lang an toàn đường bộ, đường thủy; hành lang bảo vệ an toàn nguồn nước.

- Tuân thủ các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng đã được quy hoạch.

6.6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.6.1. Giao thông:

a) Đường bộ:

- Mạng lưới đường Quốc gia:

+ Cao tốc Bắc-Nam: Dài 26,7km, quy mô quy hoạch đường cấp I, 06 làn xe;

+ Quốc lộ: Gồm 04 tuyến Quốc lộ, tổng chiều dài 59,23km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

++ Quốc lộ 1: Dài 28,0km, quy mô quy hoạch đường cấp II, 04 làn xe;

++ Quốc lộ 7: Dài 9,2km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

++ Quốc lộ 7B: Dài 9,43km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe;

++ Quốc lộ 48: Dài 12,6km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe.

+ Đường bộ ven biển: Dài 25,5km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe.

- Đường tỉnh: Gồm 03 tuyến, tổng chiều dài 33,6km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

+ Đường tỉnh 538C: Dài 15,0km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe;

+ Đường tỉnh 537: Dài 12,8km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe;

+ Đường tỉnh 538E: Dài 5,8km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe.

- Đường huyện và trục chính khu vực:

+ Đường huyện: Quy hoạch 28 tuyến (17 tuyến cũ và nâng cấp và định hướng quy hoạch 11 tuyến mới) với quy mô đường cấp III, IV, cấp V, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong huyện và hệ thống Đường tỉnh, Quốc lộ.

+ Đường chính khu vực đô thị và khu vực du lịch: kết nối khu vực đô thị và khu vực du lịch với các hệ thống giao thông chính của huyện, quy mô theo quy hoạch đô thị.

Bảng tổng hợp quy hoạch giao thông đường bộ

TT	Tên đường	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch 2030 - 2050		
		Tổng chiều dài km	Cấp đường	Số làn xe	Tổng chiều dài km	Cấp đường	Số làn xe
I	Quốc lộ						
1,1	Cao tốc BN	26,7	II	4	26,7	I	6
1,2	QL1	28	III	4	28	II	4
1,3	QL7	9,2	III	2-4	9,2	III	4

1,4	QL7B	9,43	III	2-4	9,43	III	2
1,5	QL48	12,6	III	2-4	12,6	III	2
1,6	Đường Ven Biển	25,5	III	2	25,5	III	4
1,1	Đường bộ cao tốc	26,7	II	4	26,7	I	6
II	Đường tỉnh						
2,1	TL538C	15	IV	2	15	III	2
2,2	TL537	12,8	IV	2	12,8	III	2
2,3	TL538E	7,4	IV	2	5,8	III	2
III	Đường huyện						
3.1	Trục Yên Thành - Diễn Châu	12,8	III	4	12,8	II	6
3.2	ĐH.250	11,24	2	V	11,24	2-4	IV
3.3	ĐH.250B	7,8	2	V	7,8	2	IV
3.4	ĐH.251	6,32	2	V	6,32	2	IV
3.5	ĐH.251B	3,93	2	V	3,93	2	IV
3.6	ĐH.251C	3,4	2	V	3,4	2	IV
3.7	ĐH.252	19,06	4	III	19,06	6	III
3.8	ĐH.253	4,5	2	V	4,5	2	IV
3.9	ĐH.254	12,82	2	V	12,82	2	IV
3.10	ĐH.254B	5,83	2	V	5,83	2	IV
3.11	ĐH.255	13,7	2	V	13,7	2	IV
3.12	ĐH.256	10,9	2	IV	10,9	2	IV
3.13	ĐH.257	6,56	2	V	6,56	2	IV
3.14	ĐH.257B	5,55	2	V	5,55	2	IV
3.15	ĐH.258	22,38	2	V	22,38	2	IV
3.16	ĐH.258B	6,2	2	V	6,2	2	IV
3.17	ĐH.258C	4,89	2	V	4,89	6	IV
3.18	ĐH.259	5,32	2	V	5,32	2	IV
3.19	ĐH.260	5,5	2	V	5,5	2	IV
3.20	ĐH.260B	5,45	2	V	5,45	2	IV
3.21	ĐH.261	5,48	2	V	5,48	2	IV
3.22	ĐH.262	6,08	2	V	6,08	2	IV
3.23	ĐH.263	12,06	2	V	12,06	2	IV
3.24	ĐH.264	11	2	V	11	2	IV
3.25	ĐH.265	5,98	2	V	5,98	2	IV
3.26	ĐH.265B	6	2	V	6	7	IV
3.27	ĐH.266B	3,54	2	III	3,54	2	III
3.28	ĐH.266	4,75	2	V	4,75	2	IV
IV	Đường Trục chính đô thị	Tuân theo quy hoạch đô thị					

b) Giao thông đường thủy:

- Sông Bùng, Lạch Vạn: Đoạn qua địa bàn huyện dài 13,5km, quy hoạch tuyến đường sông vận tải tiêu chuẩn cấp III.

- Kênh Nhà Lê: Đoạn qua địa bàn huyện dài 22,43km, tuyến đường sông vận tải tiêu chuẩn cấp IV.

- Cảng thủy nội địa: Cảng Cửa Vạn (Cách cửa biển sông Bùng khoảng 800m thượng lưu cầu Lạch Vạn, thuộc xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu): Quy mô cảng cấp IV, cảng công cộng của vùng (QĐ 5206/QĐ.UBND Phê duyệt QH cảng đường thủy nội địa tỉnh Nghệ An và QĐ 1367/QĐ.UBND ngày 04/05/2020).

- Bến thủy nội địa: Bến thủy nội địa Diễn Bích (cửa Lạch Vạn) phục vụ khai thác hàng hóa và phát triển du lịch dọc kênh nhà Lê, sông Lạch Vạn, diện tích 750m² (QĐ 1367/QĐ.UBND ngày 04/05/2020).

c) Bến xe cấp huyện: Quy hoạch 02 bến xe, bao gồm: Bến xe quy mô cấp 1, diện tích 15.000 m² tại Km 3+00(P) QL 7 thuộc xã Diễn Phúc kết hợp dịch vụ logistics khai thác điểm nút xuống cao tốc Bắc-Nam và QL7; Bến xe tại Km412+250 QL1 thuộc xã Diễn Yên, quy mô cấp 2, diện tích khoảng 10.000m².

6.6.2. San nền, thoát nước:

a) Nền xây dựng: Căn cứ các hồ sơ tài liệu điều tra khảo sát địa hình, thủy văn để lựa chọn cao độ nền đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật hiện hành, cụ thể như sau:

- Khu vực trong các đô thị Phủ Diễn, Yên Lý, Đồng Thái, Minh Châu: Cao độ không chế san nền đô thị được lựa chọn dựa vào cao độ ngập lụt tính toán với tần suất 5%. Tùy thuộc vào địa hình để thiết kế không chế cao độ phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của các đô thị.

- Các khu vực ngoài đô thị: Cao độ nền xây dựng phù hợp với cao độ hiện trạng và đảm bảo nền ổn định, không bị ngập lụt, hạn chế đào đắp, thay đổi địa hình, cảnh quan làng xã.

- Nguyên liệu san lấp cho các dự án lớn, trong điểm như: Đường cao tốc Bắc Nam, đường trục chính; các khu chức năng như KKT, KCN, CCN, Khu du lịch,... dự kiến quy hoạch vùng nguyên liệu tại xã Diễn Lợi, Diễn Thắng, Diễn Đoài, Diễn Yên, Diễn Lâm (Khoảng 200 ha).

b) Thoát nước mưa: Tiêu nước chính chia huyện Diễn Châu thành 7 lưu vực:

- Lưu vực 1: Gồm các xã phía Tây Bắc kênh Vách Bắc (Diễn Lâm, Diễn Đoài), hướng thoát chính về phía Đông Nam, vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra kênh tiêu Vách Bắc.

- Lưu vực 2: Gồm các xã phía Bắc (Diễn Trường, Diễn Hoàng, Diễn Phong, Diễn Hải), hướng thoát chính về phía Đông, Nam, vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra kênh tiêu Sơn Tĩnh, kênh Nhà Lê và ra biển.

- Lưu vực 3: Gồm các xã vùng trung Tâm (Diễn Phong, Diễn Hồng, Diễn Tháp, Diễn Vạn, Diễn Kim), hướng thoát chính về phía Đông vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra kênh tiêu Vách Bắc, kênh Nhà Lê và sông Bùng.

- Lưu vực 4: Gồm các xã vùng Trung Tâm (Diễn Thái, Diễn Đồng, Diễn Hạnh, Diễn Kỳ, Diễn Hoa), hướng thoát chính về phía Đông vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra kênh tiêu Vách Nam, và sông Bùng.

- Lưu vực 5: Gồm các xã vùng Trung Tâm (Diễn Nguyên; Diễn Hoàng, Minh Châu, Diễn Cát), hướng thoát chính về phía Đông vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra sông Bùng.

- Lưu vực 6: Gồm các xã vùng Tây Nam (Diễn Thọ, Diễn Phú, Diễn Lợi), hướng thoát chính về phía Đông Bắc vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra kênh Nhà Lê.

- Lưu vực 7: Gồm các xã vùng phía Đông Nam (Diễn Thành, Diễn Thịnh, Diễn Trung) hướng thoát chính về phía Đông vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra phía Biển.

6.6.3. Cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

a) Cấp nước:

- Phân vùng cấp nước (gồm 05 vùng):

+ Vùng Trung tâm: Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước (NMN) Diễn Châu Cấp nước cho thị trấn Diễn Châu và các xã trung tâm Đô thị Phủ Diễn mở rộng và khu vực phía Bắc xã Diễn Thịnh.

+ Vùng phía Tây: Nâng cấp mở rộng và hòa mạng các NMN Diễn Thái, Diễn Đồng, Diễn Nguyên, Diễn Quảng và Diễn Tháp để áp nước cho các xã Diễn Thái, Diễn Đồng, Diễn Tháp, Diễn Nguyên, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Xuân và Diễn Liên.

+ Vùng phía Nam: Nâng cấp mở rộng NMN Nho lâm, NMN Diễn Minh và xây dựng mới các NMN Bắc KKT Đông Nam và NMN khu du lịch hồ Xuân Dương. Cấp nước cho Khu KKT Đông Nam mở rộng và các xã Diễn Cát, Diễn Tân (phía Tây đường cao tốc).

+ Vùng Đông Bắc: Nâng cấp mở rộng các NMN Diễn Yên, Diễn Hồng và xây dựng mới NMN Diễn Trường. Cấp nước cho các xã Diễn Đoài, Diễn Trường, Diễn Yên, Diễn Hoàng, Diễn Hùng, Diễn Mỹ, Diễn Hải, Diễn Hồng, Diễn Phong, Diễn Vạn và khu vực phía Bắc xã Diễn Kim.

+ Vùng Tây Bắc: Nâng cấp mở rộng NMN khu du lịch sinh thái Trại Bò, xây dựng mới NMN Diễn Lâm. Cấp nước cho Khu du lịch sinh thái Trại Bò và xã Diễn Lâm.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Năm 2030: Khu vực đô thị là 110 l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; khu vực nông thôn là 90l/ng.ngđ, tỷ lệ 95%, công nghiệp là 25m³/ha.ngđ;

+ Năm 2050: Khu vực đô thị là 120l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; khu vực nông thôn là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%, công nghiệp là 30m³/ha.ngđ.

- Công suất cấp nước:

+ Năm 2030: Khoảng 62.000m³/ng.đ.

+ Năm 2050: Khoảng 141.000m³/ng.đ.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố các hồ đập địa phương đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%.

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ.

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp.

- Hoàn thiện nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu nuôi trồng thủy sản tập trung;

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

- Quy hoạch bố trí đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CHCN tại Đô thị Phú Diễn mở rộng, diện tích 2,2 ha (thuộc xã Diễn Phúc). Quy hoạch bố trí thêm các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn; bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định hiện hành.

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông suối, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động giao thông thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến phục vụ PCCC cho các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định PCCC hiện hành.

6.6.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 844 MVA, đến năm 2050: 902,5 MVA.

- Nguồn điện 110kV: Trạm 110kV Diễn Châu (E15.3) cải tạo nâng công suất lên: 2x40MVA - 110/35/22kV; Trạm 110kV Diễn Phong cải tạo nâng công suất lên: 2x40MVA - 110/35/22kV; Trạm 110kV KCN Diễn Quỳnh: 2x63MVA - 110/35/22kV; Trạm 110kV số 5: 110/22kV - 4x63MVA: cấp điện cho KCN khu A Thọ Lộc (thuộc KKT Đông Nam Nghệ An); Trạm 110kV số 6: 110/22kV - 2x40 MVA: cấp điện cho KCN khu B Thọ Lộc (thuộc KKT Đông Nam Nghệ An); Trạm 110kV số 7: 110/22kV - 3x63MVA: cấp điện cho KCN - đô thị - dịch vụ Thọ Lộc (thuộc KKT Đông Nam Nghệ An); Trạm 110kV số 8: 110/22kV - 2x25MVA: cấp điện cho đô thị số 4 và công trình dịch vụ công cộng lân cận (thuộc KKT Đông Nam Nghệ An); ngoài ra, cấp nguồn bổ sung từ các trạm 110kV Yên Thành, 110kV Quỳnh Lưu và 110kV Diễn Châu. Thu hút thực hiện 02 dự án điện gió ngoài khơi: Nhà máy điện gió Diễn Châu 1, công suất dự kiến: 1.000 MW; Nhà máy điện gió ngoài khơi Diễn Châu, công suất dự kiến: 300 MW.

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV, hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị cho các đô thị Phú Diễn, Yên Lý, Đông Thái và Minh Châu và hệ thống chiếu sáng nông thôn đảm bảo chiếu chuẩn quy định.

6.6.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho các Đô thị Phú Diễn, Yên Lý, Đông Thái và Minh Châu; Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện.

- 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn trên phạm vi toàn huyện. CTR thông thường được xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn của huyện tại xã Diễn Đoài, quy mô 10ha, CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung theo quy định. Về lâu dài được xử lý tại Khu xử lý CTR Nghi Yên bố trí cho vùng liên huyện (thành phố Vinh mở rộng và các huyện: Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Diễn Châu).

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân bỏ dần hình thức hung táng, chuyển sang hình thức hỏa táng. Quy hoạch 02 nghĩa trang tập trung cấp vùng tại xã Diễn Lợi quy mô 60ha và cấp huyện tại xã Diễn Yên 15ha.

6.6.6. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Nguyên tắc: Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững; phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các đô thị, khu chức năng, khu dân cư nông thôn.

- Giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường:

- + Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch;
- + Tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ;
- + Hạn chế tối đa việc phát sinh chất thải ra môi trường;

+ Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm;

+ Xây dựng quy định trên nguyên tắc các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu:

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch, lập quy định quản lý quy hoạch trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;

- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Các Sở, Ngành liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*KL*

Nơi nhận: *KL*

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CB, CTT Nghệ An, Báo Nghệ An, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: các PVP, các phòng: CN, NN, KT, TH;
- Lưu: VTUB, CVCN (Hùng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

KL

Lê Hồng Vinh